TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2022/DS-PT
Ngày: 24/3/2022
V/v tranh chấp dân sự về quyền lối đi qua bất động sản liền kề và bồi thường thiệt hại về tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Mỹ;

Các Thẩm phán: - Bà Nguyễn Thị Võ Trinh;

- Ông Lê Khắc Thịnh;

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mộng Tuyền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Đạm - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 17 và 24 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 239/2021/TLPT-DS, ngày 17 tháng 11 năm 2021 về việc tranh chấp dân sự về lối đi qua bất động sản liền kề và bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 10 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố C bị kháng cáo;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 69/2022/QĐ-PT ngày 28 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Văn M, sinh năm 1981;

HKTT: số nhà 178/11/1, đường Phan Đăng Lưu, phường 3, quận P, thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: ấp 3, xã An P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Anh Trần Sa M, sinh năm 1992; địa chỉ: khóm M, phường M , thành phố C, tỉnh Đồng Tháp; Là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 15/3/2022).

2. Bị đơn: Nguyễn Thị Ngọc N, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Số nhà 71, đường Phạm Hữu Lầu, tổ 26, khóm 3, phường 4, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Lâm Thị E sinh năm 1951;

3.2. Nguyễn Hoàng Đ, sinh năm 1973;

3.3. Nguyễn Thị Ngọc K, sinh năm 1982;

Cùng địa chỉ: Số nhà 71, đường Phạm Hữu Lầu, tổ 26, khóm 3, phường 4, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của bà Lâm Thị E, anh Nguyễn Hoàng Đ, chị Nguyễn Thị Ngọc K Chị Nguyễn Thị Ngọc N sinh năm 1972, địa chỉ: số nhà 71, đường Phạm Hữu Lầu, tổ 26, khóm 3, phường 4, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 25/3/2021).

3.4. Nguyễn Thị Ngọc O, sinh năm 1975;

3.5. Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1977;

3.6. Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1980;

Cùng địa chỉ: Số nhà 71, đường Phạm Hữu Lầu, tổ 26, khóm 3, phường 4, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

4. Người kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ngọc N là bị đơn, bà Lâm Thị E anh Nguyễn Hoàng Đ, chị Nguyễn Thị Ngọc K, chị Nguyễn Thị Ngọc O, chị Nguyễn Thị Ngọc H, chị Nguyễn Thị Ngọc T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Trần Văn Mười do anh Trần Sa M đại diện trình bày:

Ngày 11/5/2020 anh M có nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất và nhà của bà Huỳnh Thị P thửa đất số 755, tờ bản đồ 24, diện tích 66m^2, đất tọa lạc số nhà 71/1, đường Phạm Hữu Lầu, tổ 26, khóm 3, phường 4, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất ngày 11/5/2020, số công chứng 2642, quyển số 02TP/CC-SCC/HĐGD của Văn phòng công chứng Đồng Tháp, anh M đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Tháp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CS02205 25/5/2020 (nhà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu). Bà P đã giao nhà và đất cho anh M sử dụng.

Ngày 11/5/2020, khi anh M đi công tác ở Sài Gòn về thì thấy có hàng rào lưới B40 trước nhà do chị Nguyễn Thị Ngọc Nrào chắn. Hai bên phát sinh tranh chấp thì anh M mới biết diện tích đất lối đi này thuộc thửa 446, tờ bản đồ số 24, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tọa lạc phường 4, thành phố C do hộ ông Nguyễn Hoàng T (cha chị N, đã chết) đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất do bà Lâm Thị Em và các con là Nguyễn Thị Ngọc Nga, Nguyễn Hoàng Đức, Nguyễn Thị Ngọc Oanh, Nguyễn Thị Ngọc Hương, Nguyễn Thị Ngọc Thoa và Nguyễn Thị Ngọc Kim đang quản lý, sử dụng.

Nay anh Trần Văn Mười khởi kiện yêu cầu chị N, bà E anh Đ, chị O, chị H, chị T và chị K mở lối đi ngang 1,7m, dài 20m (từ nhà ra đến lộ), diện tích 34m^2 thuộc một phần thửa 446, tờ bản đồ số 24, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tọa lạc phường 4, thành phố C do hộ ông Nguyễn Hoàng T đứng tên giấy

chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu tháo dỡ, di dời hàng rào lưới B40 kích thước cạnh 5,5m x 1,2m, diện tích 5,5m^2 đã rào chắn. Anh M không còn lối đi nào khác ngoài lối đi này để vào nhà.

Quá trình giải quyết vụ án anh M đã cắt và tháo dỡ hàng rào lưới B40 trước cửa nhà nên không yêu cầu tháo dỡ, di dời hàng rào lưới B40, nhưng bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải tôn trọng quyền đối với bất động sản liền kề của anh M, sau này không được có hành vi rào chắn, cản trở.

Chị N muốn nhận chuyển nhượng lại nhà và đất thì phải trả cho anh M số tiền 1.700.000.000đồng, không đồng ý giá 540.000.000 đồng mà phía chị N đưa ra.

Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Trần Sa M đại diện cho anh M yêu cầu chị Nguyễn Thị Ngọc N, bà Lâm Thị E anh Nguyễn Hoàng Đ, chị Nguyễn Thị Ngọc O, chị Nguyễn Thị Ngọc H, chị Nguyễn Thị Ngọc T và chị Nguyễn Thị Ngọc K mở lối đi có diện tích 33,9m^2 trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 về mốc 1 thuộc một phần thửa 446, tờ bản đồ số 24, mục đích sử dụng đất trồng cây lâu năm, tọa lạc phường 4, thành phố C do hộ ông Nguyễn Hoàng T đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo sơ đồ đo đạc ngày 30/12/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố C.

Anh M tự nguyện đền bù số tiền 30.000.000đồng cho chị N, bà E, anh Đ, chị O, chị H, chị T và chị K.

Đối với yêu cầu phản tố của chị N yêu cầu anh M bồi thường thiệt hại do cắt hàng rào lưới B40 số tiền 600.000đồng thì anh M đồng ý.

Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc N cũng là người đại diện hợp pháp bà Lâm Thị E, anh Nguyễn Hoàng Đ và chị Nguyễn Thị Ngọc K trình bày:

Chị N, bà E, anh Đ, chịK không thống nhất với yêu cầu khởi kiện của anh M. Bởi vì phần đất anh M yêu cầu mở lối đi là đất thuộc quyền sử dụng của hộ gia đình chị N từ trước 2015 là đất thổ, đến 2015 mới chuyển mục đích từ thổ sang lâu năm để giảm tiền thuế, thửa đất này gia đình để trống với mục đích cho người trong gia đình, dòng họ sử dụng vào việc đi lại ra đường Phạm Hữu Lầu. Cụ thể, những hộ gia đình có quan hệ họ hàng thân thích với hộ chị N được sử dụng để đi lại gồm bà Nguyễn Thị Ngọc P (cô ruột), ông Nguyễn Hoàng T (bác ruột) vợ chồng ông Lê Vũ Đức T và bà Nguyễn Thị H (dượng và cô ruột), anh Nguyễn Hoàng Đ (em ruột chị N), gia đình chị N không ngăn cấm nên họ không tranh chấp yêu cầu mở lối đi.

Nguồn gốc nhà và đất mà anh M sở hữu và sử dụng là của ông Nguyễn Hoàng T (bác ruột chị N) đã cho con gái là chị Nguyễn Thị Ngọc Y đứng tên quyền sử sử dụng đất để chị Y được cất nhà tình thương nhưng đến khoảng năm 2014, 2015 chị Y đã bán nhà cho bà P và bà P bán lại cho anh M. Do đó, đất và nhà đã không thuộc quyền sử dụng và sở hữu của chị Yến là người có quan hệ họ hàng mà thuộc của người ngoài nên chị N không đồng ý cho sử dụng phần đất để làm lối đi. Hơn nữa, khi anh M mua nhà thì hiện trạng nhà khóa cửa, đã có hàng rào trước cửa nhà của anh M, nhà đã bỏ trống 02 năm, không có người ở. Thêm vào đó, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà P không thể hiện có

lối đi, bị vây bọc phía trong nhưng anh M vẫn mua thì phải tự chịu việc không có lối đi.

Để không còn tranh chấp quyền về lối đi qua nữa, gia đình chị N đồng ý mua lại căn nhà của nguyên đơn với giá là 540.000.000đồng. Trường hợp Tòa án mở lối đi trên phần đất tranh chấp thì chị N yêu cầu nguyên đơn đền bù số tiền 5.000.000.000đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, vào ngày 18/3/2021 anh Sa M (đại diện hợp pháp của anh M) đã cắt rào lưới B40 và vào nhà ở nên chị N yêu cầu anh M bồi thường thiệt hại số tiền 600.000đồng.

Tại phiên tòa, chị N vẫn yêu cầu anh M bồi thường thiệt hại về hàng rào lưới B40 số tiền 600.000đồng. Trường hợp Tòa án mở lối đi theo yêu cầu của nguyên đơn thì chị N yêu cầu anh M đền bù số tiền 1.700.000.000đồng cho chị N, bà E, anh Đ, chịK, chị Hương, chị Oanh và chị Thoa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thị Ngọc O, chị Nguyễn Thị Ngọc H và chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:

Thống nhất với lời trình bày và yêu cầu của chị N, không bổ sung gì thêm.

Bản án dân sự sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 10/11/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C đã đã xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn M.

Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc N, bà Lâm Thị E, anh Nguyễn Hoàng Đ, chị Nguyễn Thị Ngọc O, chị Nguyễn Thị Ngọc H, chị Nguyễn Thị Ngọc T và chị Nguyễn Thị Ngọc K phải mở cho anh Trần Văn M lối đi có diện tích 33,9m^2 trong phạm vi các mốc 1,2,3,4,5,6,7 về mốc 1 theo sơ đồ đo đạc ngày 30/12/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, thuộc một phần thửa 446, tờ bản đồ số 24, tọa lạc phường 4, thành phố C do hộ ông Nguyễn Hoàng Thái đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Đương sự có trách nhiệm đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký quyền sử dụng hạn chế thửa đất liền kề đối với phần đất nêu trên theo quy định của Luật Đất đai và phải chịu nghĩa vụ tài chính theo quy định pháp luật (nếu có).

2. Ghi nhận sự tự nguyện đền bù của anh Trần Văn M, anh M có trách nhiệm đền bù cho chị Nguyễn Thị Ngọc N, bà Lâm Thị E, anh Nguyễn Hoàng Đ, chị Nguyễn Thị Ngọc O, chị Nguyễn Thị Ngọc H, chị Nguyễn Thị Ngọc T và chị Nguyễn Thị Ngọc K số tiền 30.000.000đồng.

3. Công nhận sự thỏa thuận của chị N và anh M, anh Trần Văn Mười có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị N với số tiền 600.000đồng.

4. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Các đương sự có quyền và nghĩa vụ ngang nhau khi sử dụng phần đất nêu tại mục 1 của phần quyết định này vào việc làm lối đi và phải tuân thủ theo

các nguyên tắc quy định tại Điều 248 Bộ luật Dân sự. Hiệu lực và việc chấm dứt của quyền đối với bất động sản liền kề được thực hiện theo quy định tại Điều 160, Điều 247 và Điều 256 Bộ luật Dân sự.

6. Chi phí tố tụng: Anh Trần Văn M tự nguyện chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 3.232.000đồng.

(Anh M đã nộp xong).

7. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Trần Văn Mười phải chịu 1.800.000đồng, được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007528 ngày 26/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Anh M còn phải nộp thêm số tiền 1.500.000đồng.

Chị Nguyễn Thị Ngọc N chịu 300.000đồng, được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007926 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Chị N đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự, quyền và nghĩa vụ của người được thi hành án, người phải thi hành án, thời hiệu thi hành án.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 25 tháng 10 năm 2021, chị N, bà E, anh Đ, chịK, chị O, chị H, chị T kháng cáo đối với bản án sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 11/10/2021 của Tòa án nhân dân thành phố C, kháng cáo một phần bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Nguyên đơn: Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, thống nhất với quyết định của bản án sơ thẩm, không thỏa thuận được với bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về việc giải quyết nội dung vụ án.

- Bị đơn: Giữ nguyên yêu cầu phản tố và thay đổi nội dung kháng cáo chỉ yêu cầu anh M đền bù số tiền khi mở lối đi với số tiền là 200.000.000đồng.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị E anh Nguyễn Hoàng Đ, chị Nguyễn Thị Ngọc K, chị Nguyễn Thị Ngọc O, chị Nguyễn Thị Ngọc H, chị Nguyễn Thị Ngọc T giữ nguyên lời trình bày trước đây và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc thụ lý vụ án, về thời hạn giải quyết vụ án. Tại phiên tòa phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Các đương sự đã thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

+ Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo chị Nguyễn Thị Ngọc N, bà Lâm Thị E, anh Nguyễn Hoàng Đ, chị Nguyễn Thị Ngọc K, chị Nguyễn Thị Ngọc O, chị Nguyễn Thị Ngọc H, chị Nguyễn Thị Ngọc T, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo chị N, bà E, anh Đ, chịK, chị O, chị H, chị T đúng về hình thức, nội dung và thời hạn theo quy định tại các Điều 272, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

Xét kháng cáo của chị N, bà E, anh Đ, chịK, chị O, chị H, chị T yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của anh Trần Văn Mười về việc mở lối đi có diện tích 33,9m^2 trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 về mốc 1 theo sơ đồ đo đạc ngày 30/12/2020 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, thuộc một phần thửa 446, tờ bản đồ số 24, đất tại phường 4, thành phố C. Không đồng ý số tiền 30.000.000đồng mà anh M tự nguyện đền bù cho chị N, bà E, anh Đ, chị O, chị H, chị T, chị K. Tại phiên tòa phúc thẩm chị N thay đổi yêu cầu, vẫn mở lối đi cho anh M nhưng yêu cầu anh M bồi thường số tiền là 200.000.000đồng. Hội đồng xét xử nhận thấy, nguồn gốc thửa đất anh M sở hữu và sử dụng là của ông Nguyễn Hoàng T (bác ruột chị N) cho con là Nguyễn Thị Ngọc Y, đến khoảng năm 2015 chị Y chuyển nhượng cho bà Phi, sau đó bà P chuyển nhượng cho anh M và bị bao quanh bởi các thửa đất khác, trong đó có thửa đất số 466 của gia đình chị N và trên phần đất của gia đình chị N đã hình thành một lối đi, mặc dù lối đi này chỉ để sử dụng cho những người có họ hàng, thân thích của chị N, điều này cũng được chị N thừa nhận. Qua khảo sát thực tế thì thấy lối đi mà anh M yêu cầu là lối đi duy nhất để anh M đi ra đường công cộng (đường Phạm hữu Lầu), không còn lối đi nào khác và lối đi này đã hình thành từ những năm 1980, những chủ sử dụng thửa đất 755 trước đây cũng đi ra lộ công cộng bằng lối đi này, anh M yêu cầu mở lối đi dựa trên lối đi đã hình thành sẵn trên phần đất gia đình chị N cũng thuận tiện cho việc đi lại và ít gây phiền hà cho các bên. Do vậy, căn cứ vào Điều 245, Điều 254 Bộ luật Dân sự, mở lối đi cho anh M, nhưng anh M phải trả cho chị N một số tiền. Việc anh M tự nguyện trả số tiền 30.000.000đồng cho bên chị N là cao hơn số tiền giá trị đất mà Hội đồng định giá đã định là có lợi cho bên gia đình chị N. Tại phiên tòa phúc thẩm chị N yêu cầu anh M trả số tiền 200.000.000đồng để được sử dụng lối đi này là không có cơ sở, bởi vì anh M chỉ được quyền sử dụng hạn chế đối với phần đất mà anh yêu cầu mở lối đi, không

được đứng tên quyền sử dụng đất. Chị N, bà E, anh Đ, chịK, chị O, chị H, chị T kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên không có cơ sở chấp nhận.

[3] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp, là có căn cứ chấp nhận như đã phân tích trên.

[4] Về án phí phúc thẩm:

Do không chấp nhận kháng cáo của chị N, bà E, anh Đ, chịK, chị O, chị H, chị T, nên chị N, bà E, anh Đ, chịK, chị O, chị H, chị T phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên nhận thấy bản án sơ thẩm xét xử là có căn cứ. Hội đồng xét xử, không chấp nhận kháng cáo của chị N, bà E, anh Đ, chịK, chị O, chị H, chị T. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 52/2021/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố C.

Tại phần Quyết định của bản án sơ thẩm cách tuyên án chưa phù hợp quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải điều chỉnh lại cách tuyên án để đảm bảo cho việc thi hành án sau này.

Các phần còn lại của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị N, bà E, anh Đ, chịK, chị O, chị H, chị T.

2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số số 52/2021/DS-ST ngày 11 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố C.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Văn Mười.

- Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc N, bà Lâm Thị E, anh Nguyễn Hoàng Đ, chị Nguyễn Thị Ngọc O, chị Nguyễn Thị Ngọc H, chị Nguyễn Thị Ngọc T và chị Nguyễn Thị Ngọc K phải mở cho anh Trần Văn M lối đi có diện tích 33,9m^2 trong phạm vi các mốc 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7 về mốc 1 theo sơ đồ đo đạc ngày 30/12/2020 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố C, thuộc một phần thửa 446, tờ bản đồ số 24, đất cấp cho hộ ông Nguyễn Hoàng T, tại phường 4, thành phố C, tỉnh Đồng Tháp, thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật.

- Ghi nhận sự tự nguyện đền bù của anh Trần Văn Mười cho chị Nguyễn Thị Ngọc N, bà Lâm Thị E anh Nguyễn Hoàng Đ, chị Nguyễn Thị Ngọc O, chị

Nguyễn Thị Ngọc H, chị Nguyễn Thị Ngọc T và chị Nguyễn Thị Ngọc K số tiền 30.000.000đồng.

- Công nhận sự thỏa thuận của chị N và anh M. Anh Trần Văn Mười có trách nhiệm bồi thường thiệt hại về tài sản cho chị N với số tiền 600.000đồng.

- Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về chi phí tố tụng: Tổng cộng là 3.232.000đồng. Anh Trần Văn Mười tự nguyện chịu. Anh M đã nộp tạm ứng và đã chi xong.

4. Về án phí:

Anh Trần Văn M phải chịu 1.800.000đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007528 ngày 26/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp. Anh M còn phải nộp thêm số tiền 1.500.000đồng.

Chị Nguyễn Thị Ngọc Nga phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng đã nộp 300.000đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0007926 ngày 01/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố C, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Nguyễn Thị Ngọc N, bà Lâm Thị E, anh Nguyễn Hoàng Đ, chị Nguyễn Thị Ngọc O, chị Nguyễn Thị Ngọc H, chị Nguyễn Thị Ngọc T và chị Nguyễn Thị Ngọc K mỗi người phải chịu 300.000đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các biên lai số 0005060, 0005061, 0005062, 0005063, 0005064, 0005065 ngày 25/10/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố C.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh ĐT;
- TAND TP. Cao Lãnh;
- CCTHADS TP. Cao Lãnh;
- Phòng GĐKTNV và THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án (T)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Thanh Mỹ